

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT**



# **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

**TIẾNG ANH TRONG SINH HỌC**

(English in Biology)

*Lâm Đồng - 2020*

# MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN.....	3
2. MỤC TIÊU/CĐR CỦA HỌC PHẦN .....	3
3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN.....	5
4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC .....	5
5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN.....	6
6. TÀI LIỆU HỌC TẬP.....	7
7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN.....	7
8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP .....	9
9. XÂY DỰNG MATRIX, MAPPING ĐỂ THEO DÕI TÍNH NHẤT QUÁN VỚI CHUẨN ĐẦU RA .....	9
10. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN....	11

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIẾNG ANH TRONG SINH HỌC

### 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỌC PHẦN

1.1. Mã số học phần: 20CS2203

Tên học phần: Tiếng Anh trong Sinh học

1.2. Số tín chỉ: 3 (3 LT – 0 TH)

1.3. Thuộc chương trình đào tạo trình độ: Đại học Hình thức đào tạo: Chính quy

1.4. Loại học phần: Bắt buộc

1.5. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh cơ bản

1.6. Giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

- Nghe giảng lý thuyết : 33 tiết
- Seminar, thảo luận, hoạt động nhóm : 6 tiết
- Làm bài tập : 6 tiết
- Tự học : 45 giờ

### 2. MỤC TIÊU/CĐR CỦA HỌC PHẦN

#### 2.1. Mục tiêu của học phần

Sinh viên/học viên học xong học phần này có kiến thức, phẩm chất, kỹ năng và năng lực:

Mục tiêu	Mô tả	CĐR của CTĐT	TĐNL mong muốn
<b>KIẾN THỨC VÀ LẬP LUẬN NGÀNH</b>			
MT1	Nắm vững những kiến thức cơ bản về vai trò, vị trí của bộ môn tiếng anh trong sinh học trong đời sống thực tế.	2.5.2, 2.5.3, 2.5.5, 3.3.1, 3.3.2	3
MT2	Nắm vững những kiến thức cơ bản về thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành sinh học trong các lĩnh vực Tế bào học, Hoá sinh học, Lý sinh, Thực vật học, Động vật học, Công	3.3.1, 3.3.2	3

	nghe Sinh học, Môi trường, Sinh thái học, Vi sinh vật học, v.v..		
MT3	Nắm được cách trình bày văn phong khoa học bằng tiếng anh.	3.3.1, 3.3.2	3
<b>KỸ NĂNG</b>			
<b>Kỹ năng và phẩm chất cá nhân, nghề nghiệp</b>			
MT4	Có khả năng làm việc trong lĩnh vực Sinh học và Công nghệ Sinh học tại các Trung tâm, Viện nghiên cứu, Phòng thí nghiệm trong khu vực Asean và một số nước như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, v.v..	2.5.2, 2.5.3, 2.5.5, 3.2.3, 3.2.4, 3.2.5, 3.2.6, 3.2.7, 4.4.1	3
MT5	Kết hợp với các kiến thức chuyên ngành sinh học để xây dựng được định hướng nghiên cứu khoa học cho bản thân.	3.3.1, 3.3.2	3
<b>Kỹ năng mềm</b>			
MT6	Có khả năng đọc hiểu tiếng Anh cơ bản, viết và phối hợp hoạt động một cách có hiệu quả với các đối tác nước ngoài.	3.1.1, 3.1.2, 3.1.3, 3.1.4, 3.2.3, 3.2.4, 3.2.5, 3.2.6, 3.2.7	3
<b>THÁI ĐỘ</b>			
MT7	Có khả năng tự học, tự trau dồi và rèn luyện tiếng Anh cũng như sử dụng một số ứng dụng phần mềm học tiếng Anh.	2.5.2, 2.5.3, 2.5.5, 4.1.1	4

## 2.2. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu môn học (MT)	Chuẩn đầu ra (CDR) [1]	Mô tả CDR [2]	Chỉ định I, T, U [4]
MT1	CDR1	Trình bày được vị trí, vai trò của Tiếng Anh trong Sinh học trong đời sống.	TU
MT2	CDR2	Trình bày được những kiến thức cơ bản về thuật ngữ tiếng anh chuyên ngành sinh học trong các lĩnh vực Tế bào học, Hoá sinh học, Lý sinh, Thực vật học, Động vật học, Công nghệ Sinh học, Môi trường, Sinh thái học, Vi sinh vật học, v.v..	TU
MT3	CDR3	Biết cách trình bày văn phong khoa học bằng tiếng anh.	T

MT4	CĐR4	Làm việc tốt trong lĩnh vực Sinh học và Công nghệ Sinh học trong và ngoài nước.	T
MT5	CĐR5	Xây dựng được định hướng nghiên cứu khoa học cho bản thân.	T
MT6	CĐR6	Có kỹ năng làm việc nhóm, đọc hiểu được tiếng Anh cơ bản, viết và phối hợp hoạt động một cách có hiệu quả với các đối tác nước ngoài.	T
MT7	CĐR7	Có kỹ năng tìm tòi, đọc và đánh giá các tài liệu chuyên môn thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu cập nhật hóa kiến thức, nâng cao trình độ và học tập suốt đời.	T

### 3. TÓM TẮT NỘI DUNG HỌC PHẦN

Tiếng Anh trong Sinh học là học phần bắt buộc. Học phần cung cấp các kỹ năng sử dụng công cụ hỗ trợ chuyên ngành để tra và hiểu từ, đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành công nghệ sinh học, trao đổi với các đối tác và soạn thảo bài báo đơn giản trong lĩnh vực chuyên môn bằng tiếng Anh.

### 4. YÊU CẦU ĐỐI VỚI NGƯỜI DẠY VÀ NGƯỜI HỌC

#### 4.1 Yêu cầu đối với người dạy

Nội dung, lịch trình giảng dạy, các quy định của học phần và của giảng viên phải được công khai cho sinh viên vào buổi học đầu tiên. Mọi thắc mắc hay đề xuất của sinh viên về quy định của học phần phải được giải đáp thoả đáng. Sau khi đã công bố các nội dung và thống nhất các quy định của học phần, giảng viên phải áp dụng nhất quán, không được thay đổi trong suốt quá trình giảng dạy học phần.

Trong trường hợp bất khả kháng phải thay đổi lịch trình giảng dạy, giảng viên phải thông báo trước cho sinh viên một khoảng thời gian hợp lý và sắp xếp lịch dạy bù đầy đủ.

Các thay đổi về học vụ, nội dung, các yêu cầu của học phần (đặc biệt là các nội dung có liên quan đến quyền lợi của sinh viên) đều phải báo cáo và được Ban chủ nhiệm Khoa thông qua trước khi bắt đầu giảng dạy.

#### 4.2 Yêu cầu đối với người học

##### 4.2.1 Quy định về tham dự lớp học

Các thắc mắc và đề xuất của sinh viên về các yêu cầu của môn học phải được đưa ra vào buổi học đầu tiên. Sau khi các yêu cầu của môn học và của giảng viên đã được công khai và đã được thống nhất, sinh viên phải tuyệt đối tuân thủ các quy định của môn học và của giảng viên đề ra trong suốt quá trình học tập.



Nếu sinh viên nào vì lý do bất khả kháng hoặc hoàn cảnh đặc biệt (ví dụ bị bệnh, v.v.) mà không thể tuân thủ các yêu cầu của môn học và của giảng viên đề ra thì phải có đơn xin phép và minh chứng để giảng viên xem xét các hình thức hỗ trợ.

- Sinh viên phải chuẩn bị kỹ bài trước khi đến lớp theo yêu cầu của giảng viên.
- Sinh viên phải đi học đúng giờ. Sinh viên đi trễ 15 phút sau khi bài giảng đã bắt đầu sẽ không được vào lớp.
- Các sinh viên học lại bị trùng giờ có thể liên hệ với giảng viên để có những sắp xếp phù hợp.

#### **4.2.2 Quy định về hành vi lớp học**

Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Các quy định về hành vi trong lớp học như sau:

- Sinh viên phải tuân thủ quy định của trường về trang phục.
- Có thái độ học tập đúng mực, nghiêm túc và tuân thủ các hướng dẫn của giảng viên trong buổi học.
- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc, v.v. trong giờ học.
- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.
- Không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học. Không làm những việc không liên quan đến môn học.
- Giữ vệ sinh phòng học. Sau khi kết thúc buổi học, sinh viên thu dọn rác, xoá bảng để trả lại nguyên trạng phòng học.

Sinh viên vi phạm các quy định trên sẽ bị buộc ra khỏi lớp học.

#### **4.2.3 Quy định về học vụ**

- Các vấn đề liên quan đến việc xin bảo lưu điểm, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật được thực hiện theo quy định của Trường. Sinh viên có thể tham vấn chuyên viên Khoa Sinh học trong trường hợp không chắc chắn về thủ tục và mẫu biểu.
- Giải đáp thắc mắc: sinh viên được khuyến khích gặp và thảo luận trực tiếp với giảng viên phụ trách môn học khi gặp khó khăn trong việc tham dự hay tiếp thu nội dung bài giảng.
- Phản hồi của sinh viên về môn học: những phản hồi giúp cải tiến môn học luôn được khuyến khích. Trong quá trình học, sinh viên có các ý kiến đóng góp có thể trình bày trực tiếp với giảng viên hoặc gián tiếp thông qua đại diện của lớp.
- Sinh viên phải là người trực tiếp thực hiện phần lớn các công việc được yêu cầu. Những hành vi như nhờ người khác làm dùm, sao chép bài (hoặc một phần bài) của người

khác, hoặc không làm bài mà vẫn đứng tên trong tiểu luận nhóm, nếu bị phát hiện thì được xác định là không hoàn thành học phần và phải đăng ký học lại trong năm học kế tiếp.



## 5. NỘI DUNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

\* Cột (11) = (5)+(6)+(7)+(8)+(9)

Tên chương	Nội dung chính	Mục tiêu CDR	Hoạt động dạy và học	Hình thức tổ chức dạy học học phần					SV tự nghiên cứu, tự học	Tổng
				Lên lớp						
				Lý thuyết	Bài tập	Thảo luận nhóm	Thực hành, thí nghiệm, thực tập	Khác		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
<b>Chương 1</b>	The cells	CDR1, CDR2	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi.	10					10	10
1.1.	Life's components (Carbonhydrates, Lipids, Proteins, Nucleic acids)									
1.2.	Cells as life's fundamental Units									
1.3.	The Prokaryotic cells									
1.4.	The Eukaryotic cells									
1.5.	Cell to cell communication									
<b>Chương 2</b>	Animals	CDR2, CDR3, CDR5	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi.	3		2			5	5
2.1.	What is an Animal?									
2.2.	Nine phyla									
<b>Chương 3</b>	Plants	CDR2, CDR4	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi và làm	3		2			5	5
3.1.	The roles									
3.2.	The characteristics									



			seminar.							
<b>Chương 4</b>	The fungi: life as web of slender threads	CĐR6, CĐR7	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi và làm seminar.	3		2			5	5
<b>Chương 5</b>	Viruses, bacteria, Archae and Protists	CĐR2, CĐR7	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi và làm bài tập.	7	3				10	10
5.1.	Viruses: Making a living by hijacking cells									
5.2.	Bacteria: Masters of every environment									
5.3.	Archea and their habitats									
5.4.	Protists: Pioneers in diversity life									
<b>Chương 6</b>	Ecology	CĐR2, CĐR6	- Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. - Sinh viên đặt câu hỏi và làm bài tập.	7	3				10	10
6.1.	The study of Ecology									
6.2.	Population									
6.3.	Community									
6.4.	The ecosystem									
			Tổng	33	6	6			45	45

## 6. TÀI LIỆU HỌC TẬP

### 6.1. Tài liệu chính (Giáo trình chính)

[1] Jane B. Reece, Lisa A. Urry, Michael L. Cain, Steven A. Wasserman, Peter V. Minorsky, Robert B. Jackson (2011). *Campbell Biology*. Pearson, Benjamin Cummings.

### 6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bruce Alberts, Alexander Johnson, Julian Lewis, Martin Rafi, Keith Roberts, and Peter Walter (2008). *Molecular biology of the cell*. New York: Garland Science.

## 7. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC KIỂM TRA - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP HỌC PHẦN

### 7.1. Thang điểm đánh giá

- Giảng viên đánh giá theo thang điểm 10.

### 7.2. Kiểm tra – đánh giá quá trình

Có trọng số tối đa là 45%, bao gồm các điểm đánh giá bộ phận như sau:

- Điểm chuyên cần: 10%.

- Điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, Seminar, bài tập: 20%.

- Điểm giữa kỳ: 15%.

### 7.3. Điểm thi kết thúc học phần

Điểm thi kết thúc học phần có trọng số là 55%.

- Hình thức thi: tự luận và trắc nghiệm.

### 7.4. Bảng chi tiết đánh giá học phần

Các thành phần, các bài đánh giá, nội dung đánh giá thể hiện sự tương quan với các chuẩn đầu ra của học phần, số lần đánh giá, tiêu chí đánh giá, tỷ lệ % trọng số điểm.

**Bảng 7.4.1 Đánh giá học phần**

Thành phần	Nội dung	Thời điểm	CĐR học phần	Hình thức đánh giá	Tỷ lệ (%)
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]
Đánh giá quá trình	Chuyên cần	Tuần 1 – 9	CĐR1 – CĐR7	Điểm danh	10%
	Seminar	Tuần 3 – 5	CĐR2, CĐR3, CĐR4, CĐR6, CĐR7	Báo cáo, nộp bài tập	10%
	Thi giữa kỳ	Tuần 5	CĐR3, CĐR5	Thi tự luận	15%
	Bài tập	Tuần 6 – 9	CĐR2, CĐR6, CĐR7		10%
Đánh giá cuối kỳ	Thi tự luận, thi trắc nghiệm	Cuối kỳ	CĐR2, CĐR3, CĐR7	Thi tự luận, thi trắc nghiệm	55%

### 7.5. Rubric đánh giá quá trình

**Bảng 7.5 Rubric đánh giá thảo luận, seminar**

Tiêu chí	Trọng	Mô tả mức chất lượng	Điểm
----------	-------	----------------------	------

đánh giá	CDR	số	Giỏi	Khá	Trung bình	Yếu	
			10 – 8.5	8.4 – 7.0	6.9 – 5.0	4.9 – 0.0	
Thảo luận trong lớp	1 – 7	10%	Nhiệt tình trao đổi, phát biểu, trả lời nhiều câu hỏi.	Có đặt / trả lời > 2 câu hỏi.	Có đặt / trả lời ít nhất 1 câu hỏi.	Không tham gia thảo luận, trả lời, đóng góp.	1 – 0
Hình thức seminar	3	10%	Cấu trúc đẹp, rõ, không lỗi chính tả	Cấu trúc hợp lý, một vài lỗi chính tả.	Cấu trúc hợp lý. Rất nhiều lỗi chính tả.	Cấu trúc đơn điệu, chữ nhỏ, nhiều lỗi chính tả	1 – 0
Kỹ năng trình bày seminar	6, 7	10%	Nói rõ, tự tin, thuyết phục, trong thời gian quy định, giao lưu người nghe.	Nói khá rõ ràng, trong thời gian quy định, giao lưu người nghe.	Nói khá Rõ ràng, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định.	Nói nhỏ, không tự tin, không giao lưu người nghe, ít hơn hoặc vượt thời gian quy định.	1 – 0
Nội dung seminar	2, 5	40%	Đáp ứng 80%-100% yêu cầu.	Đáp ứng 70%-80% yêu cầu.	Đáp ứng 50%-70% yêu cầu.	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu.	4 – 0
Trả lời câu hỏi seminar	1 – 7	20%	Trả lời đúng tất cả các câu hỏi.	Trả lời đúng 2/3 số câu hỏi.	Trả lời đúng 1/2 số câu hỏi.	Trả lời đúng dưới 1/2 số câu hỏi.	2 – 0
Tham gia thực hiện seminar	7	10%	100% thành viên tham gia thực hiện / trình bày.	~ 80% thành viên tham gia thực hiện / trình bày.	~ 60% thành viên tham gia thực hiện / trình bày.	< 40% thành viên tham gia thực hiện / trình bày.	1 – 0
<b>ĐIỂM TỔNG</b>							10 – 0

### 7.6. Rubric đánh giá kết thúc học phần

**Bảng 7.6 Rubric đánh giá thi tự luận**

Mức chất lượng	CDR	Thang điểm	Mô tả mức chất lượng	Điểm
Giỏi	1, 2, 3, 6, 7	8.5 – 10	- Trình bày rõ ràng, đúng trọng tâm, không có lỗi chính tả (2%). - Đáp ứng 80%-100% yêu cầu về nội dung (98%).	8.5 – 10
Khá		7.0 – 8.4	Đáp ứng 70 – 80% yêu cầu về nội dung.	7.0 – 8.4
Trung bình		5.0 – 6.9	Đáp ứng 50 – 60% yêu cầu về nội dung.	5.0 – 6.9
Yếu		0.0 – 4.9	Đáp ứng dưới 50% yêu cầu về nội dung.	0.0 – 4.9

<b>Nhận xét</b>		
-----------------	--	--

## 8. TIẾN TRÌNH HỌC TẬP

<b>Buổi học</b>	<b>Hoạt động học tập</b>
1	Chương 1: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên đặt câu hỏi.
2	Chương 1: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên đặt câu hỏi.
3	Chương 2: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm seminar, đặt câu hỏi và thảo luận.
4	Chương 3: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm seminar, đặt câu hỏi và thảo luận.
5	Chương 4: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm seminar, đặt câu hỏi và thảo luận.
6	Chương 5: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm bài tập, đặt câu hỏi và thảo luận.
7	Chương 5: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm bài tập, đặt câu hỏi và thảo luận.
8	Chương 6: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm bài tập, đặt câu hỏi và thảo luận.
9	Chương 6: Giáo viên trình bày và giải đáp thắc mắc. Sinh viên làm bài tập, đặt câu hỏi và thảo luận.

## 9. XÂY DỰNG MATRIX, MAPPING ĐỂ THEO DÕI TÍNH NHẤT QUÁN VỚI CHUẨN ĐẦU RA

9.1 Ma trận nhất quán chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

<b>CDR học phần</b>	<b>CDR 1</b>	<b>CDR2</b>	<b>CDR3</b>	<b>CDR4</b>	<b>CDR5</b>	<b>CDR6</b>	<b>CDR7</b>
<b>CDR CTĐT</b>							
CDR 2.5.2	M			M			
CDR 2.5.3	L			M			M
CDR 2.5.5				L	L		
CDR 3.1.1		M	M				
CDR 3.1.2	L						
CDR 3.1.3							L
CDR 3.1.4		M					

CĐR 3.2.3					M		
CĐR 3.2.4				L		M	
CĐR 3.2.5		M					
CĐR 3.2.6	L						
CĐR 3.2.7		L		L			
CĐR 3.3.1	H	H	H	H	H	H	H
CĐR 3.3.2	M	M	M	H	H	H	H
CĐR 4.1.1	L					M	

*H: cao, M: trung bình, L: thấp*

### 9.2 Ma trận nhất quán các bài học của học phần với chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	CĐR 1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
<b>Bài học</b>							
Chương 1	P	I					
Chương 2		P	P			I	
Chương 3		I		P			
Chương 4						P	I
Chương 5		I					P
Chương 6		I				P	

*I-giới thiệu, P-thành thạo, A-nâng cao*

### 9.3 Ma trận nhất quán phương pháp đánh giá với chuẩn đầu ra học phần

<b>CĐR học phần</b>	CĐR 1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
<b>PP đánh giá</b>							
Seminar	L		L	L			
Chuyên cần	M	M	M	M	L	L	M
Thi giữa kỳ		M		L			
Bài tập cá nhân		M					L
Thi cuối kỳ	M		L		M	M	

*H: cao, M: trung bình, L: thấp*



#### 9.4 Ma trận nhất quán phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	CDR 1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
<b>PP giảng dạy</b>							
Trình bày	M	M		M		L	L
Thảo luận		L			L		
Bài tập			M				
Đặt câu hỏi			M			L	L

*H: cao, M: trung bình, L: thấp*

#### 9.5 Xây dựng ma trận tài liệu tham khảo (TLTK) với chuẩn đầu ra học phần

<b>CDR học phần</b>	CDR 1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
<b>TLTK</b>							
TLTK1	v		v	v	v		
TLTK2		v			v	v	v

### 10. THÔNG TIN VỀ GIẢNG VIÊN XÂY DỰNG ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tiến sĩ Nguyễn Thị Huỳnh Nga

Điện thoại liên lạc: 0946026894

Email liên lạc: nganth@dlu.edu.vn

**TL. HIỆU TRƯỞNG  
TRƯỞNG KHOA**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**GIẢNG VIÊN SOẠN**

*Trần Văn Hiến*

*L N Triều*

*Nguyễn Thị Huỳnh Nga*